

MEDICINAL PLANTS SPECIES OF THE TRIBE PORANEAE BELONG CONVULVULACEAE FAMILY IN VIETNAM

Tran Duc Binh^{1*}, Vu Anh Thuong¹, Duong Thi Hoan¹, Nguyen Thi Thanh Huong¹,
 Nguyen Thu Thuy^{1,2}

¹Institute of Ecology and Biological Resources - Vietnam Academy of Science and Technology

²International Biological Material Research Center - Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 05/7/2021 Revised: 13/9/2021 Published: 16/9/2021	In Vietnam, tribe (Poraneae) is currently known as 5 genera <i>Cordisepalum</i>, <i>Dinetus</i>, <i>Porana</i>, <i>Poranopsis</i>, <i>Tridynamia</i> with 9 species. Through the process of collecting samples in the field, studying dry specimens of the tribe Ponaneae in Vietnam and study of the medicinal plant literature. Of these, 5 species have been recorded as used medicinal. In this paper, we providing information on habitat, flowering and fruiting season, type, distribution, examined samples, colour photos and their use value. The medicinal value of these species are beneficial effect on some main groups of diseases such as: digestive diseases, respiratory diseases, genital diseases, pain diseases... The parts used of the species are leaves, roots and the whole plant. In addition, there is one species that is grown as ornamental. Most species are used according to folk experience, not yet widely planted and exploited as food sources. While the study of the literature, we found that the species <i>Tridynamia spectabilis</i> has been recorded in Vietnam. However, through field investigation to collect samples, we have not yet obtained specimens of this species. Therefore, it is necessary to investigate the distribution area for <i>Tridynamia spectabilis</i> in Vietnam.
KEYWORDS Convolvulaceae Poraneae <i>Dinetus</i> <i>Porana</i> <i>Tridynamia</i> Medicinal plant Vietnam	

CÁC LOÀI CÓ GIÁ TRỊ LÀM THUỐC TRONG TÔNG RẠNG (PORANEAE) THUỘC HỌ BÌM BÌM (CONVOLVULACEAE) Ở VIỆT NAM

Trần Đức Bình^{1*}, Vũ Anh Thương¹, Dương Thị Hoàn¹, Nguyễn Thị Thanh Hương¹,
 Nguyễn Thu Thủy^{1,2}

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Trung tâm nghiên cứu vật liệu sinh học Việt Nam - Hàn Quốc, Viện Khoa học Sinh học và Công nghệ Sinh học Hàn Quốc

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 05/7/2021 Ngày hoàn thiện: 13/9/2021 Ngày đăng: 16/9/2021	Ở Việt Nam, tông Rạng (Poraneae) hiện biết có 5 chi <i>Cordisepalum</i>, <i>Dinetus</i>, <i>Porana</i>, <i>Poranopsis</i>, <i>Tridynamia</i> và 9 loài. Qua quá trình thu mẫu vật ngoài thực địa, nghiên cứu mẫu trong phòng tiêu bản ở Việt Nam và nghiên cứu các tài liệu cây thuốc có 5 loài được ghi nhận là có giá trị sử dụng làm thuốc. Ở bài báo này, các loài được cung cấp các thông tin về sinh học, sinh thái, phân bố, mẫu chuẩn, mẫu nghiên cứu, hình ảnh minh họa và giá trị sử dụng của chúng. Giá trị làm thuốc của các loài này tập trung ở một số nhóm bệnh chính như: bệnh về tiêu hóa, bệnh về hô hấp, bệnh về sinh dục, các bệnh đau nhức... Các bộ phận được dùng của các loài là lá, rễ và cả cây, ngoài ra còn có một loài được trồng làm cảnh. Đa số các loài được sử dụng theo kinh nghiệm dân gian, chưa được trồng và khai thác rộng rãi. Theo các tài liệu ở Việt Nam, đều ghi nhận loài <i>T. spectabilis</i> có phân bố ở Việt Nam. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra thực địa thu mẫu, chúng tôi vẫn chưa thu được mẫu vật của loài này. Vì vậy, cần tiếp tục điều tra vùng phân bố cho loài <i>Tridynamia spectabilis</i> ở Việt Nam.
TỪ KHÓA Convolvulaceae Poraneae <i>Dinetus</i> <i>Porana</i> <i>Tridynamia</i> Làm thuốc Viet Nam	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4727>

* Corresponding author. Email: tranbinha4@gmail.com

1. Giới thiệu

Trên thế giới, họ Bìm bìm (Convolvulaceae Juss.) có khoảng 59 chi với 1900 loài [1]. Tông Rạng (Poraneae) thuộc họ Bìm bìm (Convolvulaceae Juss.) gồm có 7 chi với khoảng 58 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới [2]. Ở Châu Á, tông này được ghi nhận có 6 chi, 20 loài và 2 thứ [3]. Trong công trình Thực vật chí đại cương Đông Dương (Flora of Cambodia, Laos and Vietnam), đã nghiên cứu phân loại hệ thống và tương đối đầy đủ về tông Poraneae ở ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam với tổng cộng 5 chi và 17 loài [1]. Ngoài ra, có 3 chi, 13 loài ở Trung Quốc [4], [5] và 5 chi, 9 loài ở Thái Lan đã được ghi nhận cho tông này [1], [6]. Ở Việt Nam, tông Poraneae hiện nay có 9 loài thuộc 5 chi *Cordisepalum* Verde., *Dinetus* Buch.-Ham. ex Sweet, *Porana* Burm. f., *Poranopsis* Roberty, *Tridynamia* Gagnep. [1], [7], [8], trong đó 5 loài được sử dụng làm thuốc [3], [5], [9], [10]. Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành điều tra, nghiên cứu và tổng hợp về giá trị tài nguyên của các loài thuộc tông này và đặc biệt là giá trị làm thuốc. Các mô tả đặc điểm hình thái, thông tin về phân bố, sinh thái, hình ảnh minh họa cũng đồng thời được cung cấp.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các loài trong tự nhiên và các mẫu tiêu bản khô của tông Rạng (Poraneae) ở Việt Nam được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (HNU), Viện Sinh học nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh (VNM) và các phòng tiêu bản ở nước ngoài như: Museum National d' Histoire Naturelle, Paris, France (P), National Herbarium Nederland, Botany Section, Naturalis, Leiden, Netherlands (L), The Herbarium and Library, Royal Botanic Gardens, Kew, UK (K)...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng phổ biến trong phân loại thực vật. Dựa vào đặc điểm hình thái của cơ quan sinh sản để so sánh, vì đây là cơ quan ít biến đổi và ít chịu tác động của các điều kiện môi trường bên ngoài [11]. Mẫu vật được phân tích và so sánh với ảnh mẫu chuẩn (typus) của loài. Tên loài được cập nhật theo hệ thống phân loại mới nhất hiện nay [12]-[15].

Thu thập thông tin kinh nghiệm và tri thức bản địa tại các nơi thu mẫu, chủ yếu là phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Đối tượng phỏng vấn được lựa chọn là những người có hiểu biết về cây thuốc cũng như khả năng chữa bệnh cho gia đình và cộng đồng. Trong quá trình điều tra cộng đồng, sử dụng hai phương pháp tiếp cận là RRA và PRA. Mỗi cây thuốc, bài thuốc nếu có mẫu thu và ghi chép các thông tin cần thiết nhất công dụng, bộ phận sử dụng, cách sử dụng của cây [16], [17]. Kết hợp tra cứu tài liệu để xác định được giá trị tài nguyên của các loài [1], [3], [5], [9].

3. Kết quả và bàn luận

Các loài có giá trị làm thuốc được nghiên cứu và thống kê về mẫu chuẩn, sinh học và sinh thái, phân bố, mẫu nghiên cứu và giá trị sử dụng của các loài thuộc tông Rạng (Poraneae) ở Việt Nam.

3.1. *Dinetus racemosus* (Roxb.) Buch.-Ham. ex Sweet – **Rạng chùm, Bìm núi** (Hình 1: a-e)

(Roxb.) Sweet, 1825. Brit. Fl. Gard. 2: pl. 127; R.C.Fang & Staples, 1995. Fl. China 1 6: 284; Staples, 2006. Blumea 51: 443; Staples, 2010. Fl. Thailand 10: 384; Staples et al., 2014. Thai J. Bot. 6: 82.

– *Porana racemosa* Roxb., 1824. Fl. Indica 2: 41; Gagnep. & Courchet, 1915. Fl. Indo-Chine 4: 294; Ooststr. 1938. Blumea 3: 91; Kerr, 1951. Fl. Siam. 3(1): 92; R.C.Fang & S.H.Huang, 1979. Fl. Reipubl. Popularis Sin. 64(1): 34; Nguyễn Thị Nhan, 1990. Vase. Pl. Syn. Vietnamese

Fl. 1 : 186; Phạm Hoàng Hộ, 1993. Cây cỏ Việt Nam 2(2): 973; Nguyễn Thị Nhan & Dương Đức Huyền, 2005. Checkl. Pl. Sp. Vietnam 3: 180.

Dây leo quấn nhiều năm (hoặc 1 năm) dài 3-5(-20) m. Thân vuông, nhẵn hoặc có vảy, thường là có vảy nhỏ. Cuống lá dài 2,9-7,7 cm; phiến lá hình tim, cỡ 6-16,7 x 3,3-9,4 cm. Cụm hoa dạng chùy, dài 13-45 cm; phiến lá bắc hình tim, cỡ 2,6-4,6 x 1,4-2,8 cm, còn tồn tại; cuống hoa dạng sợi, cỡ 4-7 mm. Hoa thơm. Đài hình dải-mác, đều nhau, cỡ 1-2 mm. Tràng hình phễu, màu trắng (hiếm khi tím). Nhị không đều, cỡ 1,5-2,5 mm; chỉ nhị dính vào ống tràng; bao phấn cỡ 0,5 mm; bầu hình trứng, cao không quá 0,5 mm; vòi nhụy cỡ 1,5-2,5 mm. Quả hình bầu dục - trứng, cỡ 5-7 x 3-4 mm. Hạt hình bầu dục đến gần hình cầu, cỡ 3-5 x 2,5-4 mm, màu nâu đỏ đến nâu đậm.

Loc. class.: India **Type:** Roxburgh s.n. sub Wallich Cat. 1 326E. 1 (lecto K-W!, designated by Staples, Novon 3: 1 99-200 (1993)).

Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa tháng 10-12, có quả tháng 1-2 (năm sau). Mọc rải rác ven rừng, ven đường, lùm bụi vùng núi cao; ở độ cao 700-1500 m.

Phân bố: Hà Giang (Mèo Vạc), Lai Châu (Bình Lư), Lào Cai (Sa Pa, Mông Sên), Cao Bằng (Yên Lạc), Hòa Bình, Hà Nam, Nghệ An (Mường Xén), Kon Tum (Đăk Glây), Lâm Đồng (Đà Lạt, Suối Vàng, Di Linh). Còn có ở Ấn Độ, Lào, Nepal, Trung Quốc, Malaixia, Indônêxia.

Mẫu nghiên cứu: LAI CHÂU, Khôi & Đỗ 166 (HN). – LÀO CAI, Hautefeuille 128 & 134 (P); Tirvengadam et al. 3055 & 3056 & 3065 (P); Nguyễn Kim Đào và cs. 197 (HN); Khảo sát Việt Trung 2505 (HN); Khôi & Đỗ 96 (HN); Nguyễn Đăng Khôi 1110 (HN); Vũ Anh Thương & Trần Đức Bình, VAT 20201125 (HN). – HÀ GIANG, Nguyễn Tiến Hiệp và cs. NTH 3381 (K). – CAO BẰNG, Averyanov et al. CBL 419 (HN). – HÒA BÌNH, Petelot 4024 (P). – NGHỆ AN, Lecomte & Finet 455 (P); Chevalier 29371 & 29329 (P). – KON TUM, Averyanov et al. VH 2118 (HN); Ban 174 (HN); Poilane 35962 (P). – LÂM ĐỒNG, LX-VN 001009 (HN).

Giá trị sử dụng: Ở Vân Nam (Trung Quốc), toàn cây được dùng làm thuốc trị lao thương buốt đau, vô danh thũng độc, trúng gió và ăn uống không tiêu [9], [10]. Ở Lào, lá non ăn cùng với ớt, quả ăn được [1].

3.2. *Porana volubilis* Burm.f. – Bìm núi leo, Bìm bìm núi, Rạng leo (Hình 1: f-h)

Burm. f. 1768. Fl. Indica 51. t. 21; Gagnep. & Courchet, 1915. Fl. Indo-Chine 4: 295; Ooststr., 1938. Bumea 3: 87; Kerr, 1951. Fl. Siam. 3(1): 93; Nguyễn Thị Nhan, 1990. Vase. Pl. Syn. Vietnamese Fl. 1: 186; Phạm Hoàng Hộ, 1993. Cây cỏ Việt Nam 2(2): 974; Nguyễn Thị Nhan & Dương Đức Huyền, 2005. Checkl. Pl. Sp. Vietnam 3: 180; Staples & Jacquemoud, 2005. Candollea 60: 449-450; Staples, 2006. Blumea 51: 456; Staples, 2010. Fl. Thailand 10: 454; Staples et al., 2014. Thai J. Bot. 6: 86.

Dây leo, dài 6-10(-20) m. Thân trưởng thành hóa gỗ, vỏ màu nâu, có rãnh màu trắng đục; thân non màu nâu xám nhạt, có chấm trắng. Cuống lá cỡ 1,3-2,7(-3,8) cm; phiến lá hình trứng, bầu dục - trứng, cỡ 5,8-10,7 x 3,7-6,3 cm, gân phụ 5-8 cặp. Cụm hoa dài 12,5-26 cm; lá bắc cỡ 2,4-4,7 x 1,5-3,2 cm. Hoa thơm. Đài ôm lấy ống tràng; lá đài bằng nhau. Tràng trắng, cỡ 7-8 x 7-8 mm. Nhị 5-6 mm, bao phấn 1 mm. Nhụy 7-8 mm; đĩa mật màu cam; bầu hình trứng rộng, vòi nhụy 3-5 mm; đầu nhụy trắng, có đường kính nhỏ hơn 1 mm. Quả hình cầu, đường kính 2-4 mm. Hạt hình cầu, có 2 hoặc 3 thùy, đường kính 1,5-3 mm, nâu đậm đến đen.

Loc. class.: Indônêxia **Type:** Zippelius, A, #s.n. (Syntype: L, L0004250)

Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa tháng 12-2 (năm sau), có quả tháng 2-3. Mọc rải rác ven rừng, rừng thứ sinh, ở độ cao đến 700 m.

Phân bố: Bắc Bộ, Lâm Đồng, Khánh Hòa (Cam Ranh), Ninh Thuận (Phan Rang), Bình Thuận, Bình Dương (Thủ Dầu Một), Đồng Nai (Biên Hòa), Bà Rịa - Vũng Tàu (Bà Rịa), Hồ Chí Minh. Còn có ở Ấn Độ, Campuchia, Lào, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia.

Mẫu nghiên cứu: LÂM ĐỒNG, Lecomte & Finet 1465 (P). – KHÁNH HÒA, Lecomte & Finet 1371 (P); Phạm Hoàng Hộ 5240 (P); Poilane 2766 & 5332 & 5472 (P); Cheralin 30524 (P); Robinson 1423 (P); Vidal 4877 (P). – NINH THUẬN, Poilane 8544 & 8956 & 12481 (P); Phan

Kế Lộc et al. HLF 3222 (HN). – BÌNH THUẬN, Everard 1688 & 7627 (P). – BÌNH DƯƠNG, P. von Dien 300 (P). – ĐỒNG NAI, Pierre 11 & 1957 (P); Poilane 21650 (P). – BÀ RỊA-VŨNG TÀU, Pierre 6 & 26 (P); Poilane 622 (P); VK 5605 (HN). – HỒ CHÍ MINH, Chevalier 39828 (P); Hiep 1044 & 7080 (P).

Giá trị sử dụng: Ở Malaixia, nước sắc lá dùng cho phụ nữ sinh đẻ uống như thuốc làm sạch. Lá được dùng ăn để trị bệnh hôi mồm. Ở Việt Nam, rễ cây được sử dụng làm thuốc, ngoài ra còn được trồng làm cảnh [1], [9], [10].

3.3. *Tridynamia sinensis* (Hemsl.) Staples – **Rạng trung quốc**

(Hemsl.) Staples, 1993. Novon 3: 201; R.C.Fang & Staples, 1995. Fl. China 16: 282; Staples, 2006. Blumea 51 : 474.

- *Porana sinensis* Hemsl. 1890. J. Lin. Soc., Bot. 26: 197.

Dây leo hoặc trườn, dài đến 15 m. Thân gốc dạng gỗ, tròn, có vài sọc mờ, nâu đậm, có lông, cành non đường kính cỡ 4-5 mm, có lông xám. Cuống lá 2,7-6,2 cm; phiến lá hình trứng, bầu dục trứng, cỡ 4,4-13,2 x 1,9-10 cm, chóp lá nhọn. Cụm hoa nách lá, dạng chùm, dài 21-30 cm. Hoa mọc thẳng. Đài không đều nhau. Tràng hình phễu rộng, màu tím, tím - xanh, xanh nhạt, hồng đến trắng. Nhị thò hoặc không thò ra khỏi họng tràng, cỡ 7-12 mm; chỉ nhị 5,5-10 mm; bao phấn 1,5-2 mm. Nhụy 11-13 mm, thò ra khỏi họng tràng; đĩa mật 5 thùy; bầu hình trứng. Quả hình trứng bầu dục đến gần trứng. Hạt hình trứng, nâu đến đen.

Loc. class.: China, Guangdong **Type:** Guangdong, Ford 290 (Holo K!, K000852432)

Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa tháng 4-9, có quả tháng 5-12. Mọc rải rác ven rừng, ven suối.

Phân bố: Lạng Sơn. Còn có ở Trung Quốc (Vân Nam).

Mẫu nghiên cứu: LẠNG SƠN, Petelot 6910 (P).

Giá trị sử dụng: Ở Vân Nam (Trung Quốc), rễ cây được sử dụng làm thuốc trị sốt cao, lao phổi, viêm khí quản, viêm màng phổi và lao thương buốt đau [9], [10].

3.4. *Tridynamia megalantha* (Merr.) Staples – **Rạng hoa to** (Hình 1: i-k)

(Mer.) Staples, 1993. Novon 3:201; R.C.Fang & Staples, 1995. Fl. China 16: 282; Staples, 2006. Blumea 51: 472; Staples, 2010. Fl. Thailand 10: 463; Staples et al., 2014. Thai J. Bot. 6:86.

- *Porana megalantha* Merr. 1935. Lingnan Sci. J. 14:53.

- *Porana sutepensis* Kerr, 1941. Bull. Misc. Inform. Kew 1941: 20.

- *Tridynamia eberhardtii* Gagnep. 1950. Notul. Syst. (Paris) 14: 26.

Dây leo dài đến 10 m, màu nâu nhạt, vỏ sần sùi; cành non nâu sẫm. Cuống lá cỡ 1,2-4 (-7) cm, thô ráp; phiến lá hình trứng hay bầu dục hoặc gần hình tròn, cỡ 7,8-15 x 5-9,3 cm. Cụm hoa đơn hoặc dạng chùm, dài 19-48 cm; lá bắc phía dài 4-17 mm. Hoa sắc sỡ, không mùi. Đài không đều. Tràng phình từ gốc, xẻ 5 thùy nông, cỡ 3-4,5 x 2,7-4,6 cm, trắng. Nhị không đều, cỡ 11-17 mm, chỉ nhị phần dưới có lông, phía trên không lông; bao phấn cỡ 2 mm, trắng nhạt. Nhụy dài đến 19 mm; bầu hình trứng rộng, đường kính cỡ 1-2 mm; vòi nhụy dạng sợi, cỡ 17-18 mm; đầu nhụy cỡ 1 mm. Quả cứng, gần hình cầu đến bầu dục, cỡ 10 x 6 mm. Hạt gần hình cầu đến trứng, cỡ 8-10 x 5-6 mm, nâu đậm.

Loc. class.: China, Hainan **Type:** S.K. Lau 373 (Holo NY; Iso P!, P00608610)

Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa và có quả quanh năm. Cây mọc rải rác ven rừng, ven đường, bờ suối, nơi có nhiều ánh sáng, ở độ cao đến 900 m.

Phân bố: Lai Châu, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế (Thủy Cẩm), Đà Nẵng, Phú Yên, Ninh Thuận (Phan Rang). Còn có ở Trung Quốc (Hải Nam).

Mẫu nghiên cứu: LAI CHÂU, VK 7120 (HN). – CAO BẰNG, VK 6521 (HN). – LẠNG SƠN, Eberhardt 3357 (P). – BẮC NINH, Bon s.n. (P). – HÀ NỘI, Bon s.n. (P). – HÀ NAM, Bon

2634 (P). – HÒA BÌNH, Petelot 3233 (P). – NINH BÌNH, Petelot 956 (HN, P); Petelot 875 (P). – ĐÀ NẴNG, Poilane 29288 (P). – PHÚ YÊN, Bon 2690 (P).

Giá trị sử dụng: Ở Quảng Tây (Trung Quốc), được sử dụng trong y học dân gian. Được dùng điều trị sa tử cung, bong gân, căng tức ngực [3], [5].

3.5. *Tridynamia spectabilis* (Kurz) Parmar – **Rạng lộng lẫy**

(Kurz) Parmar, J. Econ. Tax. Bot. 18 (2): 251 (1994); Staples, Blumea 51 : 478 (2006), Fl. Thailand 10: 464 (2010).

- *Porana spectabilis* Kurz, 1873. J. Bot. 11: 136; C.B. Clarke in J.D. Hooker, 1883. Fl. Brit. India 4: 221; Gagnep. & Curchet, 1915. Fl. Indo-Chine 4: 293; Kerr, 1951. Fl. Siam. 3(1): 92; Ooststr., 1953. Fl. Males., Ser. I, Spermat. 4: 404; Nguyễn Thị Nhan, 1990. Vase. Pl. Syn. Vietnamese Fl. 1: 186; Phạm Hoàng Hộ, 1993. Cây cỏ Việt Nam 2(2): 974; Nguyễn Thị Nhan & Dương Đức Huyền, 2005. Check I. Pl. Sp. Vietnam 3: 180.

- *Poranopsis spectabilis* (Kurz) Roberty, 1952. Candollea 14: 26.

Dây leo dài 6-10 m. Thân phía dưới hóa gỗ; cành tròn, đường kính 5-6 mm, màu nâu nhạt. Phiến lá 1,6-7 cm; phiến lá gần hình trứng rộng đến gần hình tròn, cỡ 7,1-19,5 x 4-18 cm. Cụm hoa hình chùy, cỡ 12,5-59 cm, có nốt nổi lên khi hoa rụng; lá bắc có cuống dài 0,9-2,4 cm. Hoa sắc sỡ, thơm. Đài không đều. Tràng gần hình phễu, hẹp ở gốc, cỡ 1,9-2,7 x 1,7-2,3 cm, trắng. Nhị không đều; chỉ nhị 6-10 mm; bao phấn 2 mm. Nhụy không thò ra khỏi họng tràng, cỡ 12-13 mm; bầu hình trứng, cỡ 1 x 1 mm; vòi nhụy 10-12 mm; đầu nhụy gần hình cầu, đường kính cỡ 1 mm. Quả hình trứng, cỡ 6 x 5 mm, có lông nâu nhạt. Hạt hình trứng, cỡ 5 x 3 mm, đen nhạt đến nâu đậm.

Loc. class.: Myanmar, Pegu **Type:** Kurz 1083 (Lecto CAL!, designated by Staple (2006); Isolecto CAL!, K!, K000852426)

Sinh học và sinh thái: Cây ra hoa tháng 1-4, có quả tháng 6-12. Mọc rải rác ven rừng, rừng thường xanh, rừng hỗn giao, rừng núi đá vôi, ở độ cao 100-550 m.

Phân bố: Cao Bằng (Trùng Khánh), Hòa Bình, Hà Nam (Kiến Khê, Võ Xá), Ninh Bình (Chợ Ghènh). Còn có ở Myanmar, Trung Quốc, Lào, Malaixia, Ấn Độ.

Mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu nghiên cứu ở Việt Nam.

Giá trị sử dụng: Ở Quảng Tây (Trung Quốc), cây được dùng trị sa tử cung và đòn ngã tổn thương [9], [10].

Ghi chú: Trong các tài liệu nghiên cứu đều ghi nhận loài *Tridynamia spectabilis* (Kurz) Parmar có phân bố ở Việt Nam [7]-[10]. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, thu thập mẫu vật chúng tôi vẫn chưa thu được mẫu vật của loài này. Do vậy cần tiếp tục điều tra vùng phân bố của loài *Tridynamia spectabilis* (Kurz) Parmar ở Việt Nam.

Bảng 1. Tổng hợp giá trị sử dụng của các loài cây thuốc trong tông Rạng - Poraneae

S T T	Tên Loài	Bộ phận sử dụng	Nhóm bệnh
1	Dinetus	+ Toàn cây	+ Bệnh ngoại thương (lao thương buốt đau)
	racemosus	+ Lá non	+ Bệnh ngoại cảm (trúng gió)
2	Porana	+ Lá dùng ăn sống	+ Bệnh tiêu hóa (ăn uống không tiêu).
	volubilis	+ Toàn cây sắc nước uống và được trồng làm cảnh (Hoa thơm)	+ Bệnh phụ nữ (tắm phụ nữ sau sinh)
3	Tridynamia	Rễ	+ Bệnh tiêu hóa (hôi mồm).
	sinensis		+ Bệnh hô hấp (sốt cao, lao phổi, viêm khí quản, viêm màng phổi)
4	Tridynamia	Chưa được nêu rõ	+ Bệnh ngoại thương (lao thương đau buốt).
	megalantha		+ Bệnh phụ nữ (sa tử cung)
5	Tridynamia	Chưa được nêu rõ	+ Bệnh ngoại thương (bong gân).
	spectabilis		+ Bệnh phụ nữ (sa tử cung)
			+ Bệnh ngoại thương (đòn ngã tổn thương).

Như vậy, thống kê các bộ phận được sử dụng làm thuốc của 5 loài thuộc tông Rạng - Poraceae chủ yếu là: Lá có 2 loài, rễ có 1 loài, toàn cây có 2 loài, còn 2 loài có bộ phận sử dụng chưa được nêu rõ. Ngoài ra, loài *Porana volubilis* có hoa rất thơm còn được dùng làm cảnh. Căn cứ vào công dụng chữa trị các bệnh khác nhau của từng loài sau đó đối chiếu với tài liệu (Lê Trần Đức) [17] cho thấy: có 3 loài thuộc nhóm bệnh ngoại thương, 1 loài thuộc nhóm bệnh ngoại cảm, 2 loài thuộc nhóm bệnh tiêu hóa, 3 loài thuộc nhóm bệnh phụ nữ, 1 loài thuộc nhóm bệnh hô hấp (Bảng 1).

4. Kết luận

Xác định tông Rạng (Poraneae) ở Việt Nam hiện biết có 5 loài được sử dụng làm thuốc, với nhiều nhóm bệnh khác nhau. Trên cơ sở dữ liệu hiện có, chúng tôi đã cung cấp ảnh màu, các đặc điểm nhận biết loài, các thông tin tóm tắt về phân bố, sinh thái, mẫu type và giá trị tài nguyên cho 5 loài làm thuốc thuộc tông Rạng (Poraneae) ở Việt Nam. Phần lớn các loài được sử dụng theo kinh nghiệm dân gian truyền lại, chưa được trồng và khai thác rộng rãi.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đề tài cơ sở mã số IEBR ĐT.7-21 và dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam” (giai đoạn 13) và đề tài mã số ĐTDL.CN-58/19 thuộc chương trình 562.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] G. W. Staples, *Convolvulaceae: Flora of Cambodia, Laos and Vietnam*, Publications scientifiques du Muséum, Paris. Royal Botanic Garden, Edinburgh; IRD, Marseille, 2018.
- [2] G. W. Staples, “Preliminary taxonomic consideration of the Poraneae (Convolvulaceae),” *Journal of the Arnold Arboretum*, vol. 71, no. 2, pp. 251-258, 1990.
- [3] G. W. Staples, “Revision of Asiatic Poraneae (Convolvulaceae)—*Cordisepalum*, *Dinetus*, *Duperreya*, *Porana*, *Poranopsis*, and *Tridynamia*,” *Blumea-Biodiversity, Evolution and Biogeography of Plants*, vol. 51, no. 3, pp. 403-491, 2006.
- [4] G. W. Staples, “New combinations in the tribe Poraneae (Convolvulaceae) for the Flora of China,” *Novon*, vol. 3, no. 2, pp. 198-201, 1993.
- [5] F. Rhui-cheng and G. Staples, “Flora of China,” vol. 16, *Convolvulaceae*, Science Press & Missouri Botanical Garden Press, Beijing & St. Louis, 1995, pp. 271-325.
- [6] G. Staples, “Flora of Thailand,” vol. 10, no. 3, *Convolvulaceae*, The Forest Herbarium, Department of National Parks, Wildlife and Plant Conservation, Bangkok, 2010, pp. 330-468.
- [7] H. H. Pham, “An Illustrated Flora of Vietnam,” vol. 2, *Convolvulaceae*, Tre Publishing House, Ed., 2nd ed. Ho Chi Minh, 2003, pp. 773-774.
- [8] N. T. Nhan and D. D. Huyen, *Check list of Plant species of Vietnam*, vol. 3, Agricultural Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 2003.
- [9] V. V. Chi, *A Dictionary of Medicinal Plant in Vietnam*. Medical Publish House (in Vietnamese), 2003, pp. 167-169.
- [10] National Institute of Medicinal Materials, *Checklist of medicinal plants of Vietnam*. Science and Technics Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 2016.
- [11] N. N. Thin, *Plant research methods*. Hanoi National University Publishing House, Hanoi (in Vietnamese), 2007.
- [12] WFO, “World Flora Online,” 2021. [Online]. Available: <http://worldfloraonline.org/>. [Accessed Jul. 05, 2021].
- [13] JSTOR, “Global Plants,” 2021. [Online]. Available: <https://www.plants.jstor.org/>. [Accessed Jul. 05, 2021].
- [14] Board of Trustees of the Royal Botanic Gardens, Kew, “Plants of the World Online,” 2021. [Online]. Available: <http://plantsoftheworldonline.org/>. [Accessed Jul. 05, 2021].
- [15] WCSP, “World Checklist of Selected Plant Families,” 2021. [Online]. Available: <https://wcsp.science.kew.org/>. [Accessed Jul. 05, 2021].
- [16] G. J. Martin, *Ethnobotany*. Agricultural Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 2002.

[17] T. D. Le, *Vietnamese medicinal plants are grown, harvested, preliminarily processed and treated*. Agricultural Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 1997.



Hình 1. Ảnh một số loài làm thuốc trong tông Rạng (*Poraneae*) ở Việt Nam
(a-e): *Dinetus racemosus* (Roxb.) Buch.-Ham. ex Sweet; (f-h): *Porana volubilis* Burm.f.;
(i-k): *Tridynamia megalantha* (Merr.) Staples
(Ảnh chụp: a-e: Vũ Anh Thương; f-k: Trần Thế Bách)